TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI
Bản án số 138/2026/HS-PT
Ngày 06/02/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Phạm Văn Tuyển.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 682/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trần Ngọc Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2025/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Bị cáo: Trần Ngọc Q; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/02/1979 tại B, Hà Nam; Nơi ĐKHKTT: tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai); Nơi ở hiện nay: tổ dân phố C, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội (nay là thôn C, xã X, thành phố Hà Nội); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn Q1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958; Có vợ là Bùi Thị N và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Gia đình bị can có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc Q là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Do biết hộ gia đình ông Phùng Văn L, sinh năm 1957 có nhu cầu san hạ cải tạo mặt bằng khu đất của gia đình tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên Q có đến đặt vấn đề với ông L để san hạ tận dụng lấy đất dư thừa phục vụ san lấp và được ông L đồng ý.

Do đường vào khu vực san hạ mặt bằng khu đất của hộ gia đình ông L phải đi qua thửa đất của hộ gia đình ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1955 và hộ gia đình ông Bùi Văn Đ1, sinh năm 1950, vợ là bà Bạch Thị D, sinh năm 1953 cùng trú tại: thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên sau khi thỏa thuận được với ông Đ và bà D về việc làm đường để đi vào khu vực san hạ mặt bằng khu đất nhà ông L, trong hai ngày 13/10/2024 và 14/10/2024 Q thuê 01 máy xúc để san lấp mặt bằng trên diện tích đất của 02 hộ gia đình. Đến ngày 16/10/2024 Q tiếp tục thuê 03 máy xúc để san gạt đất làm đường đi vào nhà ông L nhưng thực chất để khai thác đất trái phép tại đất của gia đình bà D, ông Đ mục đích bán đất để thu lời bất chính, gồm:

1. Máy xúc bánh xích nhãn hiệu KOBELCO 460-8 thuộc sở hữu của Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, trú tại xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội với số tiền 60.000.000 đồng/1 tháng, ông T thuê Đỗ Văn T1, sinh năm 1988, trú tại: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình điều khiển.

2. Máy xúc bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC400 thuộc sở hữu Hoàng Văn H1, sinh năm 1984, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam với số tiền 55.000.000 đồng/1 tháng, ông H1 thuê Lê Minh T2, sinh năm 1990 trú tại: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam điều khiển.

3. Máy xúc bánh xích nhãn hiệu KOMATSU LC350 thuộc sở hữu của Nguyễn Duy K, sinh năm 1992, trú tại: xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình với số tiền 50.000.000 đồng/1 tháng, ông K thuê Lê Văn P, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình điều khiển.

Đồng thời, Q đã thuê 05 người để quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, vận chuyển đất, gồm: (1)Trần Hữu C, sinh năm 1986, trú tại: xóm G, Đ, xã Đ, huyện Q, Hà Nội; (2) Bùi Đức T3, sinh năm 2003, trú tại: xóm D, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình; (3) Đinh Văn B, sinh năm 1981, trú tại: thôn X, xã T,

huyện C, Hà Nội; [4]Nguyễn Văn K1, sinh năm 1990, trú tại: Y, xã Đ, huyện C, Hà Nội; [5]Trần Hồng G, sinh năm 1987 trú tại: xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Tại địa điểm khai thác, Quyền chỉ đạo cho Đinh Văn B, Nguyễn Văn K1, Trần Hồng G làm nhiệm vụ khi có xe ô tô đến mua đất thì hướng dẫn, ra hiệu cho các lái xe điều khiển xe đến vị trí 03 (ba) máy xúc do Đỗ Văn T1 và Lê Minh T2 cùng Lê Văn P điều khiển, đợi sẵn để múc đất lên thùng xe ô tô. Trần Hữu C và Bùi Đức T3 có nhiệm vụ ghi danh sách bảng kê để theo dõi, kiểm soát các xe vào mua đất trước khi vận chuyển đất ra khỏi bãi khai thác. Các lái xe được Bùi Đức T3 hướng dẫn ký vào bảng thống kê danh sách các xe vào mua. Quyền thoả thuận với người mua đất giá bán là 1.200.000 đồng /1 xe loại HOWO có khối lượng khoảng từ 16m^3 đến 18m^3 và 1.700.000 đồng/1 xe đầu kéo có khối lượng từ 26m^3 đến 28m^3. Sau mỗi buổi khai thác, C chụp ảnh bảng kê theo dõi gửi qua phần mềm Zalo cho Q nắm được số lượng xe ra, vào địa điểm khai thác là căn cứ để thu tiền bán đất.

Việc khai thác đất trái phép diễn ra trong 08 buổi, cụ thể: ngày 16/10/2024; ngày 18/10/2024; ngày 20/10/2024; ngày 25/10/2024; ngày 26/10/2024; ngày 27/10/2024; ngày 28/10/2024; ngày 29/10/2024 đến sáng ngày 30/10/2024, mỗi buổi khai thác đất trái phép được thực hiện từ khoảng 20 giờ ngày hôm trước đến khoảng 05 giờ sáng ngày hôm sau. Tiền bán đất được bên mua đất thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Trần Ngọc Q (STK 8820110339999 mở tại Ngân hàng M) hoặc chuyển khoản vào số tài khoản của Đinh Văn B (STK 21506666668 mở tại Ngân hàng T10) và Bùi Đức T3 (STK 0377027971 mở tại Ngân hàng M), sau đó B và T3 sẽ chuyển khoản lại tiền có được từ việc bán đất san, lấp cho Trần Ngọc Q. Số tiền Q thu được từ việc bán đất là 485.220.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi năm nghìn, hai trăm hai mươi nghìn đồng),* gồm:

1. Nguyễn Văn H2 (Cường S), trú tại: thôn V, xã H, huyện M, Hà Nội, đã mua tổng số 191 chuyến, sử dụng 08 xe ô tô vận chuyển gồm: 29H – 797.01[(1)]; 29H-797.52[(2)]; 29H-870.57[(3)]; 29H-870.65[(4)]; 29H-870.21[(5)]; 36H-036.96[(6)]; 36H-017.35[(7)]; 29H- 726.38[(8)] từ bãi khai thác thuộc thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình đến đổ tại thôn C, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội để san gạt làm đường vào công trường đang thi công tại Trường Tiểu học xã Đ 06 chuyến, còn lại đổ tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để san gạt tạo mặt bằng, làm bãi tập kết vật liệu xây dựng. Nguyên Văn H3 đã nhờ cháu ruột là Nguyễn Văn C1, sinh năm 1982, trú tại: thôn V, xã H, huyện M, TP Hà Nội, chuyển tiền từ tài khoản 2205205125626 mở tại Ngân hàng A đến số tài của Trần Ngọc Q 03 lần tổng số tiền 90.000.000 đồng; đến số tài khoản của Đinh Văn B 06 lần tổng số tiền là 78.000.000 đồng, đến số tài khoản của Bùi Đức T3 01 lần số tiền 10.000.000 đồng. Tổng 10 lần chuyển khoản với số tiền 178.000.000 đồng.

2. Phạm Mạnh H4 (Long Bảo H5), trú tại: Đ, thôn Ả, xã H, huyện M, Hà Nội đã mua tổng 17 chuyến, vận chuyển bằng 01 xe ô tô BKS: 29K-007.87, đến tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để san lấp. Phạm Mạnh H4 nhờ Nguyễn Thị Phương Q2, sinh năm 1992, trú tại xã N, huyện P, Hà Nội dùng số tài khoản cá nhân 2213222259999 mở tại Ngân hàng A chuyển đến số tài khoản của Bùi Đức T3 02 lần với số tiền 16.800.000 đồng. Phạm Mạnh H4 dùng số tài khoản cá nhân 372166560 mở tại Ngân hàng V2 chuyển đến số tài khoản của Bùi Đức T3 số tiền là 3.600.000 đồng, tổng 03 lần chuyển khoản số tiền 20.400.000 đồng.

3. Nguyễn Văn T4 (Thạo), trú tại: thôn T, V, Ứ, Hà Nội, đã mua tổng 22 chuyến, sử dụng 07 xe ô tô vận chuyển gồm: 29H-848.37(1); 29H-392.13(2); 29K-046.01(3); 29H-822.05(4); 29H-797.87(5); 29H-848.02(6); 29H-726.08(7) đến thôn T, xã V, huyện Ứ, TP Hà Nội để san gạt tạo mặt bằng chứa, tập kết vật liệu xây dựng. Nguyễn Văn T4 đã nhờ vợ là Kiều Thị S1, sử dụng số tài khoản 296869999 mở tại ngân hàng V2 chuyển khoản đến số tài khoản của Bùi Đức T3 02 lần với số tiền là 50.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định, số tiền Trần Ngọc Q thu được từ việc bán 22 xe đất cho Nguyễn Văn T4 là 26.600.000 đồng.

4. Nguyễn Ngọc H6 (H), trú tại: thôn V, xã T, huyện M, Hà Nội, đã mua tổng 33 chuyến, sử dụng 07 xe ô tô vận chuyển gồm: 29H-747.38(1); 29H-870.28(2); 29H-822.56(3); 29H-827.26(4); 29H-772.73(5); 29H-746.56(6); 29H-823.67(7) đến thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để tập kết và san lấp. Nguyễn Ngọc H6 dùng số tài khoản cá nhân số 9998666668668 mở tại ngân hàng M chuyển đến số tài khoản của Đinh Văn B 02 lần với số tiền là 22.800.000 đồng và đến số tài khoản của Bùi Đức T3 số tiền 10.000.000 đồng, tổng 03 lần chuyển khoản với số tiền 32.800.000 đồng.

5. Bùi Duy Ư (H), trú tại: xóm K, xã B, huyện K, Hòa Bình, đã mua tổng 45 chuyến, sử dụng 06 xe ô tô vận chuyển gồm: 28H- 005.10(1); 28H-005.11(2); 28H-005.94(3); 28H-002.85(4); 28C-082.51(5); 28H-006.97(6) đến thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để san lấp. Bùi Duy Ư sử dụng tài khoản cá nhân số 689996789 mở tại Ngân hàng M chuyển đến số tài khoản của Bùi Đức T3 03 lần tổng số tiền 32.400.000 đồng, đến số tài khoản của Đinh Văn B 01 lần với số tiền là 7.200.000 đồng, tổng 04 lần chuyển khoản số tiền 39.600.000 đồng.

6. Đặng Quang T5 (T), trú tại: Đ, xã H, huyện M, TP Hà Nội, đã mua tổng 112 chuyến, sử dụng 07 xe ô tô vận chuyển gồm: 29H-833.66(1); 29H-833.56(2); 29H-833.84(3); 29H-823.08(4); 29H-822.68(5); 29H-870.00(6); 29H-300.92(7) đến thôn P, xã H, huyện M, TP Hà Nội để san lấp. Đặng Quang T5 đã sử dụng số tài khoản 2205999926666 mở tại Ngân hàng A của vợ Nguyễn Thị T6, sinh năm 1981 để khoản chuyển đến số tài khoản của Trần Ngọc Q 04 lần tổng số tiền 105.300.000 đồng; chuyển đến số tài khoản đến số tài khoản của Đinh Văn B 02

lần tổng số tiền là 30.000.000 đồng, tổng 06 lần chuyển khoản số tiền 135.300.000 đồng.

7. Nguyễn Văn T7 (Minh T8), trú tại: thôn V, xã H, M, Hà Nội, đã mua tổng 37 chuyến, sử dụng 12 xe ô tô vận chuyển gồm: 29H – 726.00(1); 28C-078.64(2); 28H-005.36(3); 29H-353.23(4); 98H-004.36(5); 28C-078.58(6); 98H-004.56(7); 28H-005.31(8); 37H-024.83(9); 29H-796.40(10); xe đầu kéo 29H-870.53(11); xe đầu kéo 29H-092.89(12) vận chuyển đến thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để san lấp. Nguyễn Văn T7 dùng số tài khoản cá nhân 521666 mở tại Ngân hàng A1 chuyển tiền đến số tài khoản của Trần Ngọc Q 02 lần với số tiền 31.200.000 đồng, chuyển đến số tài khoản của Đinh Văn B 03 lần với tổng số tiền là 13.420.000 đồng, tổng 05 lần chuyển khoản số tiền 44.620.000 đồng.

8. Nguyễn Trung T9 (T9), trú tại: thôn T, xã C, huyện T, Hà Nội, đã mua tổng 02 chuyến, sử dụng 02 xe ô tô vận chuyển gồm: 29H-849.63(1); 29H-845.57(2) vận chuyển đến thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để san lấp. Nguyễn Trung T9 dùng tài khoản cá nhân số 0971.421.992 Ngân hàng M chuyển đến số tài khoản của Đinh Văn B 01 lần số tiền 2.400.000 đồng.

9. Đinh Văn V1, sinh năm 1990, trú tại: thôn H, xã A, huyện M, TP Hà Nội lái xe thuê cho Công ty TNHH một thành viên V3, địa chỉ: thôn T, thị trấn Đ, huyện M, TP Hà Nội, được giao cho quản lý và điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWO BKS 29H-726.86 đã mua 04 chuyến đất chở về vườn nhà tại thôn H, xã A, huyện M, TP Hà Nội để sản lấp và nhờ bà Nguyễn Thị Khánh H7, sinh năm 1991, trú tại: Đ, thôn A, xã H, huyện M, TP Hà Nội, kế toán Công ty V3 sử dụng số tài khoản 2205205332333 mở tại Ngân hàng A của bà H7 chuyển số tiền 5.500.000 đến số tài khoản của Đinh Văn B.

10. Lê Ngọc L1, sinh năm 1988, trú tại: B, G, G, Ninh Bình, mua 15 chuyến xe ô tô đầu kéo, sử dụng 10 xe ô tô vận chuyển gồm: 90C- 147.27(1); 21H-002.67(2); 37C-369.20(3); 37H-040.39(4); 37H-054.01(5); 37H-045.10(6); 37H-040.30(7); 37H-353.74(8); 37H-058.14(9); BKS 28H -005.48(10) đến thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam để san lấp, nhưng chưa thanh toán tiền cho Q.

Như vậy tổng số tiền 485.220.000đ, trong đó Q trực tiếp nhận chuyển khoản là từ các cá nhân mua đất là 226.500.000 đồng; Đinh Văn B và Bùi Đức T3 trực tiếp nhận chuyển khoản từ các cá nhân mua đất là 258.720.000 đồng, trong đó Đinh Văn B nhận 159.320.000 đồng, Bùi Đức T3 nhận 99.400.000 đồng. Sau khi nhận chuyển khoản B và T3 đã chuyển khoản đến tài khoản của Q tổng số tiền là 212.200.000 đồng, còn lại 46.520.000 đồng B và T3 chi phục vụ sinh hoạt, ăn uống phụ vụ việc khai thác đất theo chỉ đạo của Q. Toàn bộ số tiền sau khi nhận chuyển khoản Quyền sử dụng chi tiêu cá nhân.

Công văn trả lời, kết quả xác định khối lượng đất bị khai thác trái phép, kết quả trưng cầu giám định, định giá tài sản:

* Tại công văn số: 5685/STNMT-KS ngày 11/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H xác định: Khu vực (06 vị trí bị tác động, khai đào) Trần Ngọc Q chỉ đạo, điều hành hoạt động khai thác đất tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác và không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

* Kết quả điều tra khối lượng đất đã bị khai thác trái phép tại tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Ngày 26/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Công văn số 2248/CSKT gửi Trung tâm K2 thuộc Sở TN&MT tỉnh H đề nghị xác định diện tích, khối lượng khai thác khoáng sản (đất) tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Kết quả xác định: có 06 vị trí đã bị tác động, đào bới, khai thác khoáng sản (đất) với tổng trữ khối lượng đã khai thác khoảng 8.976m^3.

- Kết quả điều tra điểm đổ xác định: Vị trí điểm đổ đất đã được san gạt, lu nèn, tạo mặt không thể xác định được chính xác khối lượng khoáng sản.

- Kết quả đo đạc xác định thể tích gầu thực tế của 03 máy xúc như sau:

+ Máy xúc KOBELCO 460-8 mã kiểu loại SK460-8 do Đỗ Văn T1 điều khiển có số khung LS11C0516; số động cơ P11CUP12769; thể tích gầu 1,835m^3.

+ Máy xúc KOMATSU mã kiểu loại PC400LC-6 do Lê Minh T2 điều khiển có số khung PC40030150, số động cơ 6D12572747; thể tích gầu 1,62m^3.

+ Máy xúc KOMATSU LC350 do Lê Văn P điều khiển có số khung 191C02061256; số động cơ 6D11426858718; thể tích gầu 1,29m^3.

- Kết quả ghi lời khai người điều khiển máy xúc, điều khiển xe ô tô chở đất xác định: Đối với xe ô tô chở đất, thể tích thùng xe nhãn hiệu HOWO 4 chân chở được từ 16,2m^3 đến 18m^3 đất/1 chuyến; Xe dạng đầu kéo chở được từ 25,7m^3 đến 27,5m^3 đất/ 1chuyến đối với loại xe đầu kéo.

Căn cứ các tài liệu điều tra đã thu thập được đều không xác định được chính xác khối lượng đất đã xúc lên các thùng xe, do đó dựa trên nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội cùng các tài liệu điều tra khác thu thập được xác định: Đối với xe nhãn hiệu HOWO vận chuyển được là 16,2m^3 đất/ 1 chuyến; Xe dạng đầu kéo vận chuyển được là 25,7m^3 đất/1 chuyến.

Kết quả điều tra xác định, Trần Ngọc Q đã khai thác trái phép được 461 xe đất do xe nhãn hiệu HOWO và 17 xe dạng đầu kéo. Tổng khối lượng đất khai thác trái phép là: 461 chuyến x 16,2 m^3 + 17 chuyến x 25,7m^3 = 7.905,1m^3 đất.

* Tại Kết luận giám định số GĐ/90-2024 ngày 11/12/2024 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất – Cục Đ2 kết luận: " 04 mẫu M1, M2, M3, M4 được giám định là khoáng sản; Khoáng sản là đất làm vật liệu xây dựng thông thường".

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 07/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Hòa Bình kết luận:

"Xác định 1m^3 khoáng sản đất khai thác để làm vật liệu san lấp thông thường (không tính chi phí khai thác và các chi phí khác có liên quan) tại thời điểm tháng 10/2024 là: 43.993 đồng/m^3".

Tổng khối lượng đất bị can Trần Ngọc Q khai thác trái phép là 7.905,1m^3 x 43.993 đồng/m^3 = 347.769.064 đồng.

Cáo trạng số: 30/CT-VKS-P1 ngày 13/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Trần Ngọc Quyền về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2025/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Q 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2025, bị cáo Trần Ngọc Q kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Ngọc Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị cáo vắng mặt không có lý do; mặt khác, tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết của các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định.

Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc Q về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo Q thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất hành vi phạm tội, áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt 18 tháng tù là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, tài liệu, ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan đến vụ án. Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Q trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất, đưa ra xét xử ngày 09/01/2026 bị cáo Trần Ngọc Q vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, ngày 06/02/2026, bị cáo Trần Ngọc Q vắng mặt không có lý do. Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội thực hiện việc gửi Giấy triệu tập bị cáo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo Q theo quy định. Mặt khác, tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết của các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]. Về nôi dung: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc Q đã thừa nhận hành vi phạm tội như quy kết. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo thấy phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định, vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đủ căn cứ kết luận:

Trần Ngọc Q là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết việc khai thác khoáng sản là đất chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp

giấy phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên Trần Ngọc Q đã thuê Trần Hữu C, Bùi Đức T3, Đinh Văn B, Nguyễn Văn K1, Trần Hồng G và 03 máy xúc để thực hiện hành vi khai thác đất trái phép tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình từ ngày 16/10/2024 đến rạng sáng ngày 30/10/204, nhằm bán cho các cá nhân thu lời bất chính với số tiền 485.220.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc Q về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bị oan, sai.

[3]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực nghiên cứu, thăm dò khai thác tài nguyên; gây mất trật tự, trị an tại địa phương, nên cần có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.2]. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; xem xét, áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 tháng tù là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin hưởng án treo nhưng không giao, nộp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[4]. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Q kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Q. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2025/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Q 18 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện Công tố & KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HC-TP TPT tại Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng